KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NĂM HỌC LỚP NHÀ TRẺ 25 -36 THÁNG.
NĂM HỌC 2025 - 2026

I. MỤC TIÊU, NỘI DUNG.

Mục tiêu giáo dục		Nội dung giáo dục	Dự kiến chủ đề
STT	**Mục tiêu**		
1. Giáo dục phát triển thể chất			
a. Phát triển vận động			
1	Thực hiện được các động tác trong bài tập thể dục: hít thở, tay, lưng/ bụng và chân.	Hô hấp: Tập hít vào, thở ra. - Tay: giơ cao, đưa ra phía trước, đưa sang ngang, đưa ra sau kết hợp với lắc bàn tay. - Lưng, bụng, lườn: cúi về phía trước, nghiêng người sang 2 bên, vặn người sang 2 bên. - Chân: ngồi xuống, đứng lên, co duỗi từng chân.	1->9
2	Giữ được thăng bằng trong vận động đi/chạy thay đổi tốc độ nhanh - chậm theo cô hoặc đi trong đường hẹp có bê vật trên tay.	- Tập đi, chạy: + Đi theo hiệu lệnh, đi trong đường hẹp. + Đi có mang vật trên tay. + Chạy theo hướng thẳng. + Đứng co 1 chân	1,2,3,4,5,6,7, 8,9
3	Thực hiện phối hợp vận động tay - mắt: tung - bắt bóng với cô ở khoảng cách 1m; ném vào đích xa 1 -1,2 m.	- Tập tung, ném, bắt: + Tung - bắt bóng cùng cô. + Ném bóng vào đích.	1,2,3,8,9
4	Phối hợp tay, chân, cơ thể trong khi bò để giữ được vật đặt trên lưng.	- Tập bò, trườn: + Bò thẳng hướng và có vật trên lưng. + Bò chui qua cổng. + Bò, trườn qua vật cản.	1,2,3,4,5,6,7, 8
5	Thể hiện sức mạnh của cơ bắp trong vận động ném, đá bóng: ném xa lên phía trước bằng một tay (tối thiểu 1,5m).	- Tập tung, ném, bắt: + Ném bóng về phía trước. - Tập nhún bật: + Bật tại chỗ. + Bật qua vạch kẻ.	1,2,5,7,9
6	Vận động cổ tay, bàn tay, ngón tay - thực hiện "múa khéo".	- Xoa tay, chạm các đầu ngón tay với nhau, rót, nhào, khuấy, đảo, vò xé.	1, 2, 4, 6, 9

7	Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay và phối hợp tay - mắt trong các hoạt động: nhào đất nặn; vẽ tổ chim; xâu vòng tay, chuỗi đeo cổ.	- Đóng cọc bàn gỗ. - Nhón nhặt đồ vật. - Tập xâu, luồn dây, cài, cởi cúc, buộc dây. - Chắp ghép hình. - Chồng, xếp 6 - 8 khối. - Tập cầm bút tô, vẽ. - Lật mở trang sách.	3, 5, 7, 8
b. Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe			
8	Thích nghi với chế độ ăn cơm, ăn được các loại thức ăn khác nhau.	- Làm quen với chế độ ăn cơm và các loại thức ăn khác nhau. - Tập luyện nền nếp thói quen tốt trong ăn uống. - Luyện một số thói quen tốt trong sinh hoạt: ăn chín, uống chín; rửa tay trước khi ăn; lau mặt, lau miệng, uống nước sau khi ăn; vứt rác đúng nơi quy định.	1->9
9	Ngủ 1 giấc buổi trưa.	- Luyện thói quen ngủ 1 giấc trưa.	1,4,9
10 11	Đi vệ sinh đúng nơi quy định. Làm được một số việc với sự giúp đỡ của người lớn (lấy nước uống, đi vệ sinh...).	- Tập đi vệ sinh đúng nơi quy định. - Tập nói với người lớn khi có nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh. - Tập một số thao tác đơn giản trong rửa tay, lau mặt.	1,8,9 1, 4
12	Chấp nhận: đội mũ khi ra nắng; đi giày dép; mặc quần áo ấm khi trời lạnh.	- Tập tự phục vụ: + Xúc cơm, uống nước. + Mặc quần áo, đi dép, đi vệ sinh, cởi quần áo khi bị bẩn, bị ướt. + Chuẩn bị chỗ ngủ.	2, 8
13 14	Biết tránh một số vật dụng, nơi nguy hiểm (bếp đang đun, phích nước nóng, xô nước, giếng) khi được nhắc nhở. Biết và tránh một số hành động nguy hiểm (leo trèo lên lan can, chơi nghịch các vật sắc nhọn,…) khi được nhắc nhở.	- Nhận biết một số vật dụng nguy hiểm, những nơi nguy hiểm không được phép sờ vào hoặc đến gần. - Nhận biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh.	3, 7 3, 9
2. Giáo dục phát triển nhận thức			

15	Sờ nắn, nhìn, nghe, ngửi, nếm để nhận biết đặc điểm nổi bật của đối tượng.	- Nghe và nhận biết âm thanh của một số đồ vật, tiếng kêu của một số con vật quen thuộc. - Sờ nắn, nhìn, ngửi ... đồ vật, hoa, quả để nhận biết đặc điểm nổi bật. - Sờ nắn đồ vật, đồ chơi để nhận biết cứng - mềm, trơn (nhẵn) - xù xì. - Nếm vị của 1 số thức ăn, quả (ngọt - mặn - chua)	4, 5
16	Chơi bắt chước một số hành động quen thuộc của những người gần gũi. Sử dụng được một số đồ dùng, đồ chơi quen thuộc.	- Tìm đồ vật vừa mới cất giấu. - Đồ dùng, đồ chơi của bản thân và của nhóm/ lớp.	1, 2
17	Nói được tên của bản thân và những người gần gũi khi được hỏi.	- Tên và một số đặc điểm bên ngoài của bản thân. - Tên và công việc của những người thân gần gũi trong gia đình. - Tên của cô giáo, các bạn, nhóm/lớp.	1, 2, 3
18	Nói được tên và chức năng của một số bộ phận cơ thể khi được hỏi.	- Tên, chức năng chính một số bộ phận của cơ thể: mắt, mũi, miệng, tai, tay, chân.	2
19	Nói được tên và một vài đặc điểm nổi bật của các đồ vật, hoa quả, con vật quen thuộc.	- Tên, đặc điểm nổi bật, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi quen thuộc. - Tên và một số đặc điểm nổi bật của con vật, rau, hoa, quả quen thuộc. - Tên, đặc điểm nổi bật và công dụng của phương tiện giao thông gần gũi.	1, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9
20	Chỉ / nói tên hoặc lấy hoặc cất đúng đồ chơi màu đỏ / vàng / xanh theo yêu cầu.	- Màu đỏ, vàng, xanh. - Hình tròn, hình vuông. - Vị trí trong không gian (trên - dưới, trước - sau) so với bản thân trẻ. - Số lượng một - nhiều.	1, 2, 3, 4, 6, 9
21	Chỉ hoặc lấy hoặc cất đúng đồ chơi có kích thước to/ nhỏ theo yêu cầu.	- Kích thước to - nhỏ.	5, 8
3. Giáo dục phát triển ngôn ngữ			

22	Thực hiện được nhiệm vụ gồm 2 - 3 hành động. Ví dụ: "Cháu cất đồ chơi lên giá rồi đi rửa tay!".	- Nghe và thực hiện các yêu cầu bằng lời nói. - Nghe các từ chỉ tên gọi đồ vật, sự vật, hành động quen thuộc.	1, 3
23	Trả lời các câu hỏi: "Ai đây?"; "Cái gì đây?"; "...làm gì?"; "...thế nào?" (ví dụ: "Con gà gáy thế nào?"...)	- Nghe các câu hỏi: "Cái gì?"; "Làm gì?"; "Để làm gì?"; "Ở đâu?"; "Như thế nào?" - Trả lời và đặt câu hỏi: "Cái gì?"; "Làm gì?"; "Ở đâu?"; "…thế nào?"; "Để làm gì?"; "Tại sao?"…	2, 4
24	Hiểu nội dung truyện ngắn đơn giản: trả lời được các câu hỏi về tên truyện, tên và hành động của các nhận vật.	- Nghe các bài thơ, đồng dao, ca dao, hò vè, câu đố, bài hát và truyện ngắn.	1->9
25	Phát âm rõ tiếng.	- Sử dụng các từ chỉ đồ vật, con vật, đặc điểm, hành động quen thuộc trong giao tiếp.	1, 5, 6, 9
26	Đọc được bài thơ, ca dao, đồng dao với sự giúp đỡ của cô giáo.	- Đọc các đoạn thơ, bài thơ ngắn có câu 3 - 4 tiếng.	1->9
27	Nói được câu đơn, câu có 5 - 7 tiếng, có các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm quen thuộc.	- Xem tranh và gọi tên các nhân vật, sự vật, hành động gần gũi trong tranh. - Kể lại đoạn truyện được nghe nhiều lần, có gợi ý.	2, 5, 6, 8
28	Sử dụng lời nói với các mục đích khác nhau: - Chào hỏi, trò chuyện. - Bày tỏ nhu cầu của bản thân. - Hỏi về các vấn đề quan tâm như: "Con gì đây?"; "Cái gì đây?"...	- Thể hiện nhu cầu, mong muốn và hiểu biết bằng 1 - 2 câu đơn giản và câu dài. - Phát âm các âm khác nhau - Lắng nghe khi người lớn đọc sách.	2, 5
29	Nói to, đủ nghe, lễ phép.	- Nghe lời nói với sắc thái tình cảm khác nhau. - Sử dụng các từ thể hiện sự lễ phép khi trò chuyện với người lớn.	4, 9
4. Giáo dục phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mĩ			
30	Nói được một vài thông tin về mình (tên, tuổi).	- Nhận biết tên gọi, một số đặc điểm bên ngoài bản thân.	2
31	Thể hiện điều mình thích và không thích.	- Nhận biết một số đồ dùng, đồ chơi yêu thích của mình.	1, 3

32	Biểu lộ sự thích giao tiếp với người khác bằng cử chỉ, lời nói.	- Giao tiếp với những người xung quanh.	3, 7
33	Nhận biết được trạng thái cảm xúc vui, buồn, sợ hãi.	- Nhận biết và thể hiện một số trạng thái cảm xúc: vui, buồn, tức giận.	5, 8
34	Biểu lộ cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi qua nét mặt, cử chỉ.		7, 8
35	Biểu lộ sự thân thiện với một số con vật quen thuộc / gần gũi: bắt chước tiếng kêu, gọi.	- Quan tâm đến các vật nuôi.	4, 6
36	Biết chào, tạm biệt, cảm ơn, ạ, vâng ạ.	- Thực hiện một số hành vi văn hóa và giao tiếp: chào tạm biệt, cảm ơn, nói từ "dạ", 'vâng ạ"; chơi cạnh bạn, không cấu bạn.	1, 2, 9
37	Biết thể hiện một số hành vi xã hội đơn giản qua trò chơi giả bộ (trò chơi bế em, khuấy bột cho em bé, nghe điện thoại...)	- Thực hiện một số qui định đơn giản trong sinh hoạt ở nhóm, lớp: xếp hàng chờ đến lượt, để đồ chơi vào nơi quy định. - Tập sử dụng đồ dùng, đồ chơi.	1 -> 9
38	Chơi thân thiện cạnh trẻ khác.	- Chơi thân thiện với bạn: chơi cạnh bạn, không tranh giành đồ chơi với bạn.	1 -> 9
39	Thực hiện được một số yêu cầu của người lớn.	- Thực hiện yêu cầu đơn giản của giáo viên.	3, 9
40	Biết hát và vận động đơn giản theo một vài bài hát / bản nhạc quen thuộc.	- Nghe hát, nghe nhạc với các giai điệu khác nhau; nghe âm thanh các nhạc cụ. - Hát và vận động đơn giản theo nhạc	1 -> 9
41	Thích tô màu, vẽ, nặn, xé, xếp hình, xem tranh (cầm bút di màu, vẽ nguệch ngoạc)	- Vẽ các đường nét khác nhau, di mầu, nặn, xé, vò, xếp hình - Xem tranh	1 -> 9

II. DỰ KIẾN CHỦ ĐỀ VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN CHỦ ĐỀ LỚP NHÀ TRẺ 25 – 36 THÁNG

Thời gian (Từ ngày 08/09/2025 đến ngày 22/05/2026)	STT	Chủ đề	Chủ đề nhánh	Số tuần	Lễ/hội	Điều chỉnh bổ sung
Tháng 9 (Từ ngày 08/09/2025 đến 26/09/2025)	**1**	**Trường mầm non thân yêu (3 tuần)**	- Trường mầm non của bé.	1 tuần		
			- Cô giáo và các bạn của bé	1 tuần		
			- Đồ dùng học tập của bé	1 tuần		
Tháng 9 - 10 (Từ ngày 29/09/2025 đến 31/10/2025)	**2**	**Bản thân của bé (5 tuần)**	- Bé vui trung thu.	1tuần	- Tết trung Thu (15/08 âm lịch) Việt - Ngày hội liên hiệp phụ nữ Việt Nam (20/10)	
			- Bé là ai?	1 tuần		
			- Các bạn của bé	1 tuần		
			- Ngày hội của bà, của mẹ, của cô giáo	1 tuần		
			- Bé cần gì để lớn lên và khoẻ mạnh	1 tuần		
Tháng 11 (Từ ngày 03/11/2025 đến 28/11/2025)	**3**	**Gia đình của bé (4 tuần)**	- Bố và mẹ của bé	1 tuần	Ngày Nhà giáo Việt Nam (20/11)	
			- Những người thân của bé	1 tuần		
			- Cô giáo là mẹ hiền	1 tuần		
			- Ngôi nhà của bé	1 tuần		
Tháng 12 (Từ ngày 01/12/2025 đến 26/12/2025)	**4**	**Những con vật bé yêu (4 tuần)**	- Con vật nuôi trong gia đình	1tuần	- Ngày Quân đội nhân dân Việt Nam 22/12/2024	
			- Con vật sống dưới nước	1tuần		
			- Con vật sống trong rừng	1 tuần		
			- Chim và côn trùng	1 tuần		
Tháng 12-01 (Từ ngày 29/12/2025 đến 23/01/2026)	5	**Cây, hoa và rau quanh bé (3 tuần)**	- Bé biết cây gì?	1 tuần	- Nghỉ tết dương lịch 01.01.2026	
			- Một số loại hoa, quả	1 tuần		
			- Một số loại rau, củ	1 tuần		

Tháng 01 - 02 (Từ ngày 26/01/2026 đến 6/03/2026)	6	**Tết và mùa xuân của bé (5 tuần)**	- Mùa xuân đến rồi	1 tuần	- Nghỉ tết Nguyên Đán - Ngày Thầy thuốc Việt Nam 27/02 - Ngày Quốc tế phụ nữ 8/3	
			- Các loại bánh mứt ngày tết	1tuần		
			- Ngày Tết vui vẻ	2 tuần		
			- Ngày hội của bà, mẹ và cô giáo	1 tuần		
Tháng 03 (Từ ngày 09/03/2026 đến 03/04/2026)	**7**	**Bé với phương tiện giao thông (4 tuần)**	- Phương tiện giao thông đường bộ.	1 tuần		
			- Phương tiện giao thông đường hàng không	1 tuần		
			- Phương tiện giao thông đường thuỷ	1 tuần		
			- Một số luật giao thông	1 tuần		
Tháng 04 (Từ ngày 06/04/2026 đến 01/05/2026	**8**	**Mùa hè đến rồi (4 tuần)**	- Thời tiết mùa hè	1tuần	- Ngày Giỗ tổ Hùng Vương mùng 10/3 (âm lịch) - Ngày lễ 30/4: Ngày giải phóng miền Nam thống nhất đất nước - Ngày 1/5: Ngày Quốc tế Lao Động	
			- Trang phục mùa hè	2 tuần		
			- Mùa hè của bé	1 tuần		
Tháng 05 (Từ ngày 04/05/2026 đến 22/05/2026)	**9**	**Bác Hồ - Bé lên mẫu giáo (3 tuần)**	- Bác Hồ của bé	1 tuần	- Kết thúc học kỳ II	
			- Bé lên mẫu giáo	2 tuần		

NGƯỜI XÂY DỰNG KẾ HOẠCH **HIỆU TRƯỞNG**

U.B.N.D XÃ QUẢNG LÂM TỈNH ĐIỆN BIÊN
TRƯỜNG MẦM NON QUẢNG LÂM

Lò Thị Minh **Lò Thị Hạnh**